

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/8/2020.

V/v tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 198/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: Anh Lê Quốc D, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2019, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D chung sống với nhau vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện

H, tỉnh Bến Tre.

Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh D chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã. Chị H và anh D sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay.

Chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị H khai, chị H và anh D có 02 người con chung tên là: Lê Mỹ A, sinh ngày: 15/01/2006 và Lê Khắc B, sinh ngày: 31/01/2010 hiện đang sống chung với anh D. Chị H đồng ý để anh D tiếp tục nuôi con chung, chị H tự nguyện đóng góp nuôi con với anh D số tiền là 750.000 đồng/tháng/mỗi cháu (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng một tháng cho mỗi cháu*) cho đến khi cháu A và cháu B thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Chị H khai, chị H không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh D nhưng anh D không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Hiền.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với anh Dũng, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh D được tiếp tục nuôi cháu Lê Mỹ A, sinh ngày: 15/01/2006 và Lê Khắc B, sinh ngày: 31/01/2010 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Ghi nhận chị H tự nguyện đóng góp nuôi con với anh D số tiền là 750.000 đồng/tháng/mỗi cháu (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng một tháng cho mỗi cháu*).

Về tài sản chung: Chị H khai không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Chị H khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Quốc D và yêu cầu anh Lê Quốc D tiếp tục nuôi con chung. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 28/10/2019 của Công an xã T, huyện H. Anh Lê Quốc D có đăng ký thường trú tại: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng anh Lê Quốc D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Quốc D.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 33 ngày 08/12/2003 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, sự việc được gia đình hai bên hòa giải khuyên ngăn nhưng chị H và anh D vẫn sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị H và anh D hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng những lần hòa giải anh

D đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh D đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này và mâu thuẫn hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh D.

Về con chung: Chị H khai, chị H và anh D 02 người con chung tên là: Lê Mỹ A, sinh ngày: 15/01/2006 và Lê Khắc B, sinh ngày: 31/01/2010 hiện đang sống chung với anh D. Chị H đồng ý để anh D tiếp tục nuôi cháu An và cháu Bình cho đến khi thành niên. Chị H tự nguyện đóng góp nuôi con với anh D với số tiền là 750.000 đồng/tháng/mỗi cháu (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng một tháng cho mỗi cháu*).

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh D không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, hiện nay cháu A và cháu B đang sống chung với anh D vẫn đảm bảo tốt về thể chất lẫn tinh thần. Nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của cháu A và cháu B do đó giao cháu An và cháu Bình cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị H tự nguyện đóng góp nuôi con với anh D với số tiền là 750.000 đồng/tháng/mỗi cháu (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng một tháng cho mỗi cháu*) nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/8/2020.

Về tài sản chung: Chị H khai không tranh chấp; Về nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh D có tranh chấp về tài sản chung, về nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

[5] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51; 56; 57; 58; 59, 81; 82; 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu H đối với anh Lê Quốc D. Chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Quốc D.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Quốc D có 02 người con chung tên là: Lê Mỹ A, sinh ngày: 15/01/2006 và Lê Khắc B, sinh ngày: 31/01/2010.

Giao cháu Lê Mỹ A và Lê Khắc B cho anh Lê Quốc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Mỹ A và Lê Khắc B thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị H tự nguyện đóng góp nuôi con với anh D với số tiền là 750.000 đồng/tháng/mỗi cháu (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng một tháng cho mỗi cháu*). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/8/2020.

Chị Lê Thị Thu H không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh Lê Quốc D.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Lê Thị Thu H không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Lê Quốc D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Lê Thị Thu H.

Chị Lê Thị Thu H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của anh Lê Quốc D.

Anh Lê Quốc D cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Lê Thị Thu H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, khi có

yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu H khai không tranh chấp; Về nợ chung: Chị Lê Thị Thu H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh Lê Quốc D có tranh chấp về tài sản chung, về nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Thu H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000566 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

Về án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Buộc chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[5] Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Thu H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Quốc D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải